

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/02/2023
“V/v Tranh chấp về hôn nhân
gia đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;
 2. Ông Huỳnh Văn Dứt.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 896/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Mai Thị Tuyết L, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: 131/3 khu phố 2, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; có mặt.
- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp KB 2, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Tuyết L trình bày, giữa bà L và ông Nguyễn Văn B do quen Bết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện CM, tỉnh An Giang, sau khi

cưới hai vợ chồng đi làm công nhân tại Bình Dương, cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2022 thì mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xảy ra bất hòa không thể hàn gắn được, ông B bỏ đi sống nơi khác không quan tâm vợ và con. Nhận thấy, tình cảm không còn, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

+ Về con chung: Giữa bà Mai Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 26/3/2014, sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Bà Mai Thị Tuyết L, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

- Ông Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông B vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Tuyết L với ông Nguyễn Văn B;

- Giao con chung cháu Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 26/3/2014 cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81,82,83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Mai Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn B, ông B cư trú trên địa bàn huyện CM. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông B đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng ông B vắng mặt tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt ông B theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn B kết hôn do tự tìm hiểu, không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, khi kết hôn bà L và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà L khẳng định không còn tình cảm với ông B, do cả hai đã tự sống ly thân từ tháng 05/2022 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tôn trọng nhau, ông B không quan tâm đến vợ con, hai vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, bà L xác định không còn tình cảm, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông B. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định không còn tình cảm với ông B, mâu thuẫn giữa bà và ông B là do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp. Quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tôn trọng nhau, chung sống với nhau nhằm chia sẻ, xây dựng hạnh phúc chung, cùng chăm lo cho gia đình và cuộc sống chung, nhưng ông B lại không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con là chưa thực hiện nghĩa vụ của người chồng, người cha trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B theo đúng quy định pháp luật tố tụng, nhưng ông B không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L, điều này cho thấy ông B không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà L cũng không còn tình cảm với ông B, vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Do vậy, hôn nhân giữa bà L và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Giữa Bà Mai Thị Tuyết L với ông Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 23/6/2014, sau khi ly hôn bà L đề nghị nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu V đang chung sống với bà L phát triển ổn định về cả thể chất, tinh thần. Hơn nữa,

trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cán bộ Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu V, cháu đề nghị được sống với mẹ. Do đó, để ổn định về cuộc sống, cũng như thể chất, tinh thần cho cháu V, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Mai Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Tuyết L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Tuyết L được ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Giấy chứng nhận kết hôn số 0257/2014, quyền số 02/2014 ngày 03 tháng 9 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho bà Mai Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn B, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giữa bà Mai Thị Tuyết L với ông Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 23/6/2014.

Bà Mai Thị Tuyết L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Mai Tường V, sinh ngày 23/6/2014. Ông Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mai Thị Tuyết L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Bà L không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Bên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012828 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 11 năm 2022; Bà Mai Thị Tuyết L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bà Mai Thị Tuyết L có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

- Riêng ông Nguyễn Văn B, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện CM (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện CM (1);
- Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện CM, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên

